

Số: /2026/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương
đối với giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14;

Căn cứ Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên tại trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các cơ sở giáo dục khác thực hiện Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục thường xuyên), bao gồm: mã số, nhiệm vụ, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo hạng của chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên là giáo viên giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trong cơ sở giáo dục thường xuyên.

2. Giáo viên theo quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm giáo viên thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục; giáo viên được giao nhiệm vụ trưởng phòng, phó trưởng phòng, tổ trưởng, phó tổ trưởng các phòng, tổ chức năng, chuyên môn, nghiệp vụ và tương đương theo quy định; giáo viên giữ chức vụ giám đốc, phó giám đốc.

3. Giáo viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ sơ cấp trong cơ sở giáo dục thường xuyên được áp dụng thực hiện quy định mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo hạng của chức danh giáo viên sơ cấp theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Mã số chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên

1. Hạng III – Mã số V.07.05.18.
2. Hạng II – Mã số V.07.05.17.
3. Hạng I – Mã số V.07.05.16.

Điều 4. Nhiệm vụ của giáo viên giáo dục thường xuyên

1. Đối với hạng III

a) Giảng dạy môn học thuộc chương trình giáo dục thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục thường xuyên phù hợp với chuyên môn được đào tạo; tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của trung tâm;

b) Xây dựng kế hoạch phân phối thời lượng, sắp xếp nội dung giảng dạy, giáo dục; lựa chọn, sử dụng tài liệu, học liệu phục vụ hoạt động giảng dạy, giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của các chương trình giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng;

c) Triển khai các phương pháp giảng dạy đa dạng, tích cực hóa hoạt động của người học, phát huy năng lực tự học của người học; chủ động tiếp cận và sử dụng các phương tiện hiện đại và công nghệ thông tin, công nghệ số để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học theo điều kiện của cơ sở giáo dục thường xuyên;

d) Hoàn thành việc nhận xét, đánh giá người học; tham gia khen thưởng, xử lý kỷ luật người học theo quy định;

đ) Bồi dưỡng học viên có kết quả học tập môn học cuối học kì liền kề ở mức chưa đạt, ôn thi tuyển sinh, ôn thi tốt nghiệp, bồi dưỡng học viên giỏi theo kế hoạch của trung tâm; tham gia hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho người học;

e) Tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng khi được triệu tập; hoàn thành thời lượng bồi dưỡng giáo viên giáo dục thường xuyên hằng năm theo quy định; tự học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp;

g) Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, dân chủ, đổi mới, sáng tạo;

h) Tham gia công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục; tham gia điều tra nhu cầu học tập trên địa bàn; cung cấp thông tin, tư vấn cho người học lựa chọn khóa học phù hợp nhu cầu;

i) Tham gia công tác tuyển sinh và quản lý lớp học; tham gia tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá người học theo các chương trình đào tạo, bồi dưỡng do cơ sở giáo dục thường xuyên tổ chức;

k) Tham gia công tác chủ nhiệm lớp và các nhiệm vụ kiêm nhiệm khác theo sự phân công của người đứng đầu cơ sở giáo dục; hoàn thành hồ sơ sổ sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phối hợp phụ huynh hoặc người giám hộ của người học để hỗ trợ giáo dục người học trong lớp chủ nhiệm;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác phù hợp với vị trí việc làm do người đứng đầu cơ sở giáo dục phân công.

2. Đối với hạng II

Giáo viên giáo dục thường xuyên hạng II phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này và các nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức nội dung sinh hoạt chuyên đề ở tổ chuyên môn; tham gia biên soạn, hoàn thiện tài liệu, học liệu giảng dạy, giáo dục;

b) Xây dựng kế hoạch, tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học viên theo quy mô từ khối lớp trở lên trong năm học;

c) Tham gia ban giám khảo hoặc ban ra đề thi hoặc người hướng dẫn trong các hội thi của giáo viên hoặc người học; tham gia nghiên cứu khoa học hoặc hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học;

d) Tham gia tổ, bộ phận tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học;

đ) Xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu người học; tham gia xây dựng, mở rộng các chương trình liên kết hoạt động giáo dục, đào tạo trong nước và ngoài nước; huy động sự tham gia của các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong hoạt động giảng dạy, giáo dục của cơ sở giáo dục thường xuyên.

3. Đối với hạng I

Giáo viên giáo dục thường xuyên hạng I phải thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì tổ chức biên soạn hoặc thẩm định, lựa chọn tài liệu học tập phù hợp với mục tiêu, yêu cầu của các chương trình giáo dục;

b) Làm báo cáo viên, dạy minh họa ở các lớp tập huấn, bồi dưỡng giáo viên; làm giáo viên cốt cán;

c) Tham gia công tác kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên do các cấp có thẩm quyền tổ chức;

d) Tham gia xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển của trung tâm; đề xuất các nội dung cải tiến, các giải pháp phát triển cơ sở giáo dục thường xuyên;

đ) Tham gia thành viên Hội đồng tư vấn của cơ sở giáo dục thường xuyên.

CHƯƠNG II

CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 5. Tiêu chuẩn về đạo đức

1. Chấp hành các chủ trương, đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và cơ quan có thẩm quyền liên quan đến giáo dục thường xuyên.

2. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, nhân phẩm, đạo đức nhà giáo; mẫu mực, nêu gương trong hoạt động nghề nghiệp và ứng xử trong quan hệ xã hội; bảo đảm liêm chính học thuật.

3. Tôn trọng, đối xử công bằng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người học.

4. Thực hiện nghiêm quy định về quy tắc ứng xử đối với nhà giáo; tuân thủ nội quy, quy chế của cơ sở giáo dục thường xuyên và các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

5. Không vi phạm những việc không được làm đối với nhà giáo.

Điều 6. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với hạng III

a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy; hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Giáo viên giảng dạy môn Tiếng dân tộc thiểu số phải đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo;

c) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên.

2. Đối với hạng II



a) Có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên phù hợp với môn học giảng dạy; hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên.

3. Đối với hạng I

a) Có bằng thạc sĩ trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên hoặc có bằng thạc sĩ trở lên chuyên ngành phù hợp với môn học giảng dạy và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học phổ thông;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên.

Điều 7. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

1. Đối với hạng III

a) Nắm vững kiến thức của môn học và lĩnh vực được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục thường xuyên và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được phân công giảng dạy;

c) Hiểu biết về đặc điểm tâm lý, sinh lý, phương pháp học tập, nhu cầu học tập của người học được giao quản lý, giảng dạy;

d) Hiểu và thực hiện được phương pháp dạy học đa dạng, tích cực hóa hoạt động của người học; hiểu và thực hiện được phương pháp dạy học cho người lớn;

đ) Nắm vững và thực hiện được hoạt động kiểm tra, đánh giá người học theo quy định;

e) Thiết lập được mối quan hệ hợp tác với phụ huynh trong các hoạt động giảng dạy, giáo dục người học;

g) Tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ;

h) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số phục vụ hoạt động nghề nghiệp (nếu vị trí việc làm yêu cầu).

2. Đối với hạng II

a) Nắm vững và mở rộng được kiến thức của môn học và lĩnh vực được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững mục tiêu, yêu cầu, cập nhật được xu hướng phát triển của chương trình giáo dục thường xuyên và các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được phân công giảng dạy;



c) Hiểu biết sâu sắc về đặc điểm tâm lý, sinh lý của người học; nắm vững nội dung và thực hiện được các kỹ năng tư vấn học đường và thực hiện công tác xã hội trong trường học;

d) Cập nhật, thực hiện linh hoạt các phương pháp dạy học, tạo được không gian học tập tích cực cho người học;

đ) Sử dụng linh hoạt các hình thức kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng đối tượng người học; sử dụng kết quả đánh giá điều chỉnh hoạt động giảng dạy và hỗ trợ người học học tập;

e) Duy trì, thúc đẩy mối quan hệ hợp tác với phụ huynh; thiết lập được mối quan hệ hợp tác với các tổ chức, cá nhân có liên quan trong các hoạt động giảng dạy, giáo dục người học;

g) Cập nhật kịp thời các yêu cầu mới về chuyên môn, nghiệp vụ; tổ chức được các sự kiện, hoạt động phong trào, tập thể;

h) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số phục vụ hoạt động nghề nghiệp (nếu vị trí việc làm yêu cầu);

i) Đạt được các thành tích từ cấp cơ sở trở lên trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Đối với hạng I

a) Có kiến thức chuyên sâu về môn học và lĩnh vực được phân công giảng dạy;

b) Hiểu biết về xây dựng, phát triển chương trình giáo dục, đào tạo; dự báo được xu hướng phát triển giáo dục thường xuyên;

c) Thành thực các kỹ năng, phương pháp tư vấn học đường và thực hiện công tác xã hội trong trường học;

d) Thúc đẩy, truyền cảm hứng cho người học tiên bộ trong học tập;

đ) Điều chỉnh có hiệu quả hoạt động kiểm tra, đánh giá tại cơ sở giáo dục thường xuyên; cập nhật, hướng dẫn đồng nghiệp về đổi mới kiểm tra, đánh giá;

e) Tạo dựng được mối quan hệ lành mạnh, tin tưởng với phụ huynh và các tổ chức, cá nhân có liên quan, mở rộng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của cơ sở giáo dục thường xuyên;

g) Tạo dựng được uy tín nghề nghiệp, có khả năng truyền cảm hứng, tạo động lực cho đồng nghiệp phát triển trong hoạt động nghề nghiệp; sẵn sàng chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp;

h) Ứng dụng được công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; sử dụng được ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc thiểu số phục vụ hoạt động nghề nghiệp (nếu vị trí việc làm yêu cầu);

i) Đạt được các thành tích từ cấp tỉnh trở lên trong hoạt động nghề nghiệp.



CHƯƠNG III

BỔ NHIỆM CHỨC DANH VÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

Điều 8. Nguyên tắc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên giáo dục thường xuyên

1. Việc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên giáo dục thường xuyên phải đáp ứng các nguyên tắc bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với nhà giáo trong cơ sở giáo dục công lập theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giáo viên trong cơ sở giáo dục thường xuyên đang làm việc ở vị trí việc làm nào thì được bổ nhiệm chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên của hạng tương ứng với vị trí việc làm đó.

Điều 9. Bổ nhiệm chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên

Giáo viên đang giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông tại cơ sở giáo dục thường xuyên được bổ nhiệm chức danh như sau:

1. Bổ nhiệm hạng III - Mã số V.07.05.18 đối với giáo viên đạt đồng thời các điều kiện sau:

a) Đạt tiêu chuẩn về đạo đức quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này;

c) Đang giữ các chức danh được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98.

2. Bổ nhiệm hạng II - Mã số V.07.05.17 đối với giáo viên đạt đồng thời các điều kiện sau:

a) Đạt tiêu chuẩn về đạo đức quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

c) Đang giữ các chức danh được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38.

3. Bổ nhiệm hạng I - Mã số V.07.05.16 đối với giáo viên đạt đồng thời các điều kiện sau:

a) Đạt tiêu chuẩn về đạo đức quy định tại Điều 5 Thông tư này;

b) Đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này;

c) Đang giữ các chức danh được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

Điều 10. Xếp lương đối với giáo viên giáo dục thường xuyên

1. Giáo viên được bổ nhiệm chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên theo quy định tại Thông tư này được áp dụng bảng lương tương ứng ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể như sau:

a) Hạng III - Mã số V.07.05.18, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A1 từ hệ số lương 2,34 đến hệ số lương 4,98;

b) Hạng II - Mã số V.07.05.17, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.2 từ hệ số lương 4,00 đến hệ số lương 6,38;

c) Hạng I - Mã số V.07.05.16, được áp dụng hệ số lương của viên chức loại A2, nhóm A2.1 từ hệ số lương 4,40 đến hệ số lương 6,78.

2. Việc xếp lương đối với chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên thực hiện theo hạng, chức danh tại Thông tư này và hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BNV hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức và theo quy định hiện hành của pháp luật. Khi thực hiện chính sách tiền lương mới, việc chuyển xếp sang lương mới thực hiện theo quy định của Chính phủ.

3. Việc xếp lương đối với giáo viên giáo dục thường xuyên trong cơ sở giáo dục thường xuyên ngoài công lập thực hiện theo thoả thuận giữa giáo viên với cơ sở giáo dục nhưng không thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp giáo viên giáo dục thường xuyên chưa đạt điều kiện để được bổ nhiệm chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên quy định tại Điều 9 Thông tư này thì tiếp tục giữ chức danh, mã số và hệ số lương hiện đang được xếp, khi đạt đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này thì được bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo hạng của chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên tương ứng. Quyết định bổ nhiệm chức danh và xếp lương theo hạng của chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên sau khi đạt đủ điều kiện có hiệu lực kể từ ngày giáo viên đạt đủ điều kiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư này nhưng không sớm hơn ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp giáo viên giảng dạy Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Luật Nhà giáo nhưng không thuộc đối tượng phải nâng trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được

đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì tiếp tục giữ chức danh, mã số và hệ số lương hiện đang được xếp cho đến khi nghỉ hưu.

3. Chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp các hạng của giáo viên trung học cơ sở, trung học phổ thông hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học cơ sở hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giáo viên trung học phổ thông được cấp trước ngày 31 tháng 12 năm 2026 theo quy định của pháp luật được xác định tương đương với chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên theo quy định tại Thông tư này.

4. Giáo viên trong cơ sở giáo dục thường xuyên được tuyển dụng, tiếp nhận, thay đổi vị trí việc làm trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì không yêu cầu đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên.

5. Đối với trường hợp được tuyển dụng, tiếp nhận, thay đổi sang vị trí việc làm giáo viên giáo dục thực xuyên kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành:

a) Trường hợp đã có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 3 Điều này thì được xác định đáp ứng tiêu chuẩn có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên;

b) Trường hợp chưa có chứng chỉ bồi dưỡng quy định tại khoản 3 Điều này thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên có hiệu lực thi hành;

c) Sau 12 tháng kể từ ngày chương trình bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên có hiệu lực thi hành thì phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên theo quy định.

Điều 12. Điều khoản áp dụng

1. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Lịch sử và Địa lý trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Lịch sử hoặc Địa lý; hoặc có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành, chuyên ngành phù hợp với môn Lịch sử, Địa lý và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông thì được xác định là đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên.

2. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Khoa học tự nhiên trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Khoa học tự nhiên hoặc Vật lý hoặc Hóa học hoặc Sinh học; hoặc có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành, chuyên ngành phù hợp với môn Khoa học tự nhiên, Vật lý, Hóa học, Sinh học và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông thì được xác định là đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên.

3. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Công nghệ trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Công nghệ hoặc Kỹ thuật công nghiệp hoặc Kỹ thuật nông nghiệp; hoặc có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành, chuyên ngành phù hợp với môn Công nghệ, Kỹ thuật công nghiệp, Kỹ thuật nông nghiệp và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông thì được xác định là đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên.

4. Giáo viên được phân công giảng dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên về Giáo dục Công dân hoặc Giáo dục Chính trị; hoặc có bằng cử nhân trở lên chuyên ngành phù hợp với môn Giáo dục Công dân, Giáo dục Chính trị và có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông thì được xác định là đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên.

5. Nhiệm vụ theo từng hạng của chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên quy định tại Điều 4 Thông tư này là những công việc giáo viên thực hiện sau khi được bổ nhiệm chức danh ở hạng tương ứng và trong suốt thời gian giữ hạng của chức danh nếu được người đứng đầu cơ sở giáo dục phân công. Người đứng đầu cơ sở giáo dục có thể phân công giáo viên thực hiện nhiệm vụ của hạng cao hơn nếu giáo viên có khả năng thực hiện. Đối với những nhiệm vụ mà cơ sở giáo dục thường xuyên không được giao hoặc không đủ điều kiện thực hiện thì người đứng đầu cơ sở giáo dục quyết định việc quy đổi sang các nhiệm vụ khác có liên quan để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của giáo viên.

6. Trường hợp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên đã có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có bằng trung cấp trở lên các ngành đào tạo giáo viên hoặc có chứng chỉ hoặc chứng nhận bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ sư phạm, lý luận dạy học do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp theo quy định trước ngày 22 tháng 5 năm 2021 thì được xác định là có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông theo chương trình do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Trường hợp giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên đã có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học cơ sở do các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cấp theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được xác định là đủ điều kiện về chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên trung học phổ thông quy định tại Điều 6 Thông tư này.

7. Bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp quy định tại tiêu chuẩn trình độ đào tạo của giáo viên giáo dục thường xuyên được xác định là bằng cử nhân chuyên ngành đào tạo giáo viên hoặc bằng cử nhân chuyên ngành không thuộc ngành đào tạo giáo viên mà trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đó có các môn học hoặc học phần (thuộc khối kiến thức chuyên ngành) đảm bảo yêu cầu giảng dạy môn học cụ thể trong Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở,

Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo (nơi cấp bằng) để xác định tính phù hợp của bằng cử nhân với môn học cụ thể trong chương trình giáo dục thường xuyên.

8. Trước ngày 30 tháng 5 năm 2023, trường hợp giáo viên đã có bằng cử nhân trở lên thuộc ngành đào tạo giáo viên, hoặc có bằng cử nhân và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm được phân công giảng dạy môn học khác với chuyên ngành được đào tạo và được người đứng đầu cơ sở giáo dục đánh giá đạt tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để giảng dạy môn học được phân công thì được xác định đạt tiêu chuẩn về đào tạo và được bổ nhiệm chức danh, xếp lương của vị trí việc làm giáo viên giáo dục thường xuyên tương ứng theo quy định tại Thông tư này. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2030, các trường hợp quy định tại khoản này phải hoàn thành tiêu chuẩn trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu môn học giảng dạy.

9. Trường hợp giáo viên giáo dục thường xuyên được cử tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo, bồi dưỡng khác ngoài Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, Chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông thì phải đạt trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo yêu cầu giảng dạy chương trình đào tạo, bồi dưỡng đó.

10. Kể từ ngày 03 tháng 11 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, trường hợp giáo viên trong các cơ sở giáo dục thường xuyên công lập được bổ nhiệm chức danh ở hạng cao hơn sau khi hết thời gian tập sự hoặc sau khi đạt trình độ đào tạo cao hơn trình độ quy định nhưng chưa trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng do cấp có thẩm quyền tổ chức thì được bổ nhiệm vào hạng III của chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên – Mã số V.07.05.18 (bao gồm cả trường hợp tuyển dụng trước ngày 03 tháng 11 năm 2015 và hoàn thành thời gian tập sự theo quy định sau ngày 03 tháng 11 năm 2015).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên giáo dục thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Thông tư này; hướng dẫn, kiểm tra việc phân công nhiệm vụ của giáo viên giáo dục thường xuyên theo hạng được bổ nhiệm, bảo đảm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp; tổ chức bồi dưỡng cho giáo viên giáo dục thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo quy định; xác định rõ các thành tích từ cấp cơ sở trở lên và các thành tích từ cấp tỉnh trở lên trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên

cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định tại điểm i khoản 2 và điểm i khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

3. Người đứng đầu cơ sở giáo dục thường xuyên:

a) Căn cứ vào chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục thường xuyên để bố trí, phân công, giao nhiệm vụ cho giáo viên giáo dục thường xuyên và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

b) Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ thực tế của cơ sở giáo dục thường xuyên và quy định về nhiệm vụ theo từng hạng của chức danh giáo viên sơ cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp để xác định cụ thể nhiệm vụ theo từng hạng của chức danh giáo viên sơ cấp tại cơ sở giáo dục thường xuyên. Căn cứ quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên sơ cấp trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp để bố trí, phân công, giao nhiệm vụ cho giáo viên sơ cấp và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm;

c) Xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc thẩm quyền quản lý; báo cáo, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền quản lý về công tác quản lý, phát triển giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2. Các trường hợp thuộc đối tượng tuyển dụng, tiếp nhận, xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giáo viên trong cơ sở giáo dục thường xuyên công lập theo đề án, kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 30 tháng 6 năm 2026 thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Nghị định số 93/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà giáo.

3. Việc đánh giá giáo viên cơ sở giáo dục thường xuyên theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (nếu có) và đánh giá giám đốc cơ sở giáo dục thường xuyên theo Thông tư số 42/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chuẩn giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên tiếp tục được thực hiện cho đến hết năm học 2025 - 2026.

4. Ngoài thực hiện quy định tại Thông tư này, nhà giáo giữ chức vụ giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, năng lực lãnh đạo, quản lý trung tâm quy định tại Chuẩn giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 42/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Điều 1, 2, 3, 7, 8, 9, 10 và các Phụ lục ban hành kèm theo Chuẩn giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên tại Thông tư số 42/2010/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

6. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới.

7. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo; người đứng đầu cơ sở giáo dục thường xuyên chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VH và XH của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Như khoản 7 Điều 14;
- Công báo CP; Công PLQG; CSDLQG về VBPL;
- Công TTĐT của Chính phủ;
- Công TTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, PC, NGCBQLGD (05b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thương